

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: **16/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-3-2019
Về việc: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngọc Linh

Ông Hoàng Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Hữu Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 378/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983.

Cùng trú tại: Tổ 8, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T sau thời gian tìm hiểu đã quyết định chung sống với nhau từ năm 2005 có đăng ký tại UBND xã T, huyện Bình Long (cũ) nay là huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh T ham mê bài bạc. Chị H và anh T đã sống ly thân từ khi chị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Hai vợ chồng có 03 con chung là Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 2006, Bùi Thị Ngọc N, sinh năm 2007 và Bùi Thị Ngọc Y, sinh năm 2010. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Ngọc Y, đồng ý giao

02 con chung Bùi Thị Ngọc T và Bùi Thị Ngọc N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chị H cung cấp cho Tòa án là 01 Hộ khẩu, 01 giấy CMND của nguyên đơn (bản sao); 01 Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, 03 bản sao giấy khai sinh của con chung; 01 vận đơn.

** Bị đơn anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên Tòa, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2019 anh T đã trình bày:*

Chị H là vợ của anh Bùi Văn T, hai vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Vợ chồng sống có mâu thuẫn, đặc biệt từ tháng 9/2018 đến nay mâu thuẫn lớn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Trước yêu cầu ly hôn của chị H thì anh T cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Anh T xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do bận rộn công việc, không có thời gian. Về con chung: vợ chồng có 03 con chung đúng như chị H trình bày. Khi ly hôn anh T đồng ý nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Mức lương của anh T hiện tại khoảng 8 triệu đồng/ tháng và 3 con chung hiện đang sống cùng với anh T và học tại xã T.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:*

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các lời khai của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung cần giao con chung tên Bùi Thị Ngọc Y – sinh năm 2010 để gắn trách nhiệm và vai trò của chị H, đáp ứng nguyện vọng của con chung. Giao 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 2006, Bùi Thị Ngọc N, sinh năm 2007 cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng, về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước. Bị đơn vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước (BL 09). Chị H cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, không thể tiếp tục sống chung, nay vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm không còn, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Căn cứ biên bản lấy lời khai của anh Bùi Văn T, thì anh T xác nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn với nhau và trước yêu cầu ly hôn của chị H thì anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân là dựa trên tình thân tự nguyện và tình cảm, giữa các bên đều đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của chị Lê Thị H về quan hệ hôn nhân, cho chị H được chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Bùi Văn T là có cơ sở.

Về con chung: Đối với 03 con chung, Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Bùi Thị Ngọc Y và đồng ý giao 02 con chung là Bùi Thị Ngọc T và Bùi Thị Ngọc N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung để đảm bảo việc học hành cho các con được ổn định. Xét thấy, hiện tại cả anh T và chị H cùng làm công việc tại Nông trường cao su Quản Lợi, xã T, thu nhập đều ổn định. Việc giao cả 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng sẽ phần nào ảnh hưởng đến công việc của anh T. Do đó, cần giao con chung tên Bùi Thị Ngọc Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có cơ sở, thể hiện việc gắn vai trò, trách nhiệm của người mẹ như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định theo Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Ngoài ra, cũng đáp ứng được nguyện vọng của cháu Y muốn được người mẹ trực tiếp chăm sóc. Vì vậy, ý kiến của chị H về con chung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14

[4] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước về vấn đề tuân theo pháp luật của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử và quan điểm về nội dung vụ án là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 03/8/2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước hết giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Ngọc T – sinh ngày 05/8/2006, Bùi Thị Ngọc N - sinh ngày 21/11/2007 cho anh Bùi Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung tên Bùi Thị Ngọc Y – sinh ngày 22/4/2010 cho chị Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004939 ngày 24/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Chị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định để được xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- CQ đăng ký KH;
- Lưu VP + án;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng